CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/BHC/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213

E-mail: bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp 3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Theo các giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.6.2.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN**

2. Thành phần: Đường mía

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: túi 500g và 24 túi 500g/thùng
- Chất liệu bao gói: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng túi PA/PET/PE/PELD đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Xuất xứ: Việt Nam.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

6.1 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

6.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cở sở 1: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở 1: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số VN013156-1, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "A" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Tên cơ sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở 2: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số 035/2025/SNNMT-TNI, nơi cấp Sở nông nghiệp và môi trường Tỉnh Tây Ninh.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "G" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể đường dạng hạt to, nhiều kích thước khác nhau. Có thể còn lẫn sợi chỉ do đặc thù sản phẩm làm bằng công nghệ truyền thống.
- Mùi vị: Tinh thể cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng. Khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose tính theo độ pol	%	≥ 99

3.3 Thông tin dinh dưỡng/100g: Theo công bố của nhà sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal	398

2	Hàm lượng hydrat cacbon	g	99.5

3.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

3.5 Vi sinh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	10

4. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản hoặc trưng bày ở nơi khô ráo thoáng mát.
5. **Hướng dẫn sử dụng:** Được sử dụng trực tiếp trong chế biến thực phẩm, thức ăn, thức uống, giải khát, thực phẩm ăn liền, các món chè, các món chưng,…

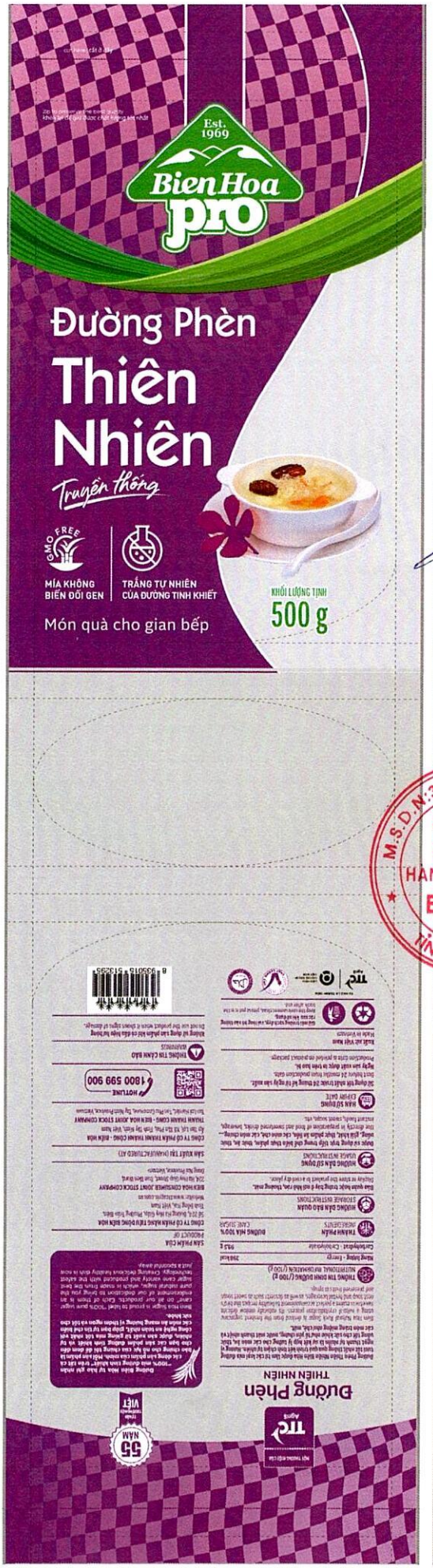
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N:3600495818-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm



150mm
20mm
15mm
205mm
80mm
205mm
15mm
20mm

QHSE

Lê Hồng Phong

M.S.D.N: 3600495818-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Duyệt

Lê Đình Nghiêm

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 3600495818 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 30, ngày 03 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 224, Đường Hà Huy Giáp , Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Số Fax: *0251.3836213*

Thư điện tử: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN QUẾ TRANG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *08/08/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *095180009939*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *173 Thái Phiên , Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-02895BTP1/1-1 NGÀY 11/06/2021

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-02895BTP1/1-1 DATED 11/06/2021

1. Tên mẫu *Name of sample* : **ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN**

2. Mô tả mẫu *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving* : 02/06/2021

5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration* : 02/06/2021 – 11/06/2021

6. Nơi gửi mẫu *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province

7. Kết quả thử nghiệm *Test results* : Xem trang / *See page* 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ★
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02895BTP1/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm /*Test results* :

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan/ *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019	-	
• Trạng thái/ *State*			Dạng hạt, nhiều kích thước khác nhau/ *Crystals, others size*
• Màu sắc/ *Color*			Tinh thể đường có màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong *White crystals, clear solution when adder water*
• Mùi vị/ *Odor & taste*			Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ *Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste*
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.3. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$4,80 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,53
7.5. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02895BTP1/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.7. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007		
• B1		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• B2		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• G1		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• G2		0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Năng lượng/ *Calories*	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	
• kcal/100 g			400
7.12. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g *Carbohydrate content*	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100
7.13. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (p.10)- 1986)	0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)- 1986) Kjeldahl method	0,1	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02895BTP1/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

7. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.15. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*			
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Cyhalothrin (include Lambda-Cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrins (include alpha and zeta cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05	Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Linh Trung, Thu Duc, HCMC, Vietnam

KT3-02895BTP1/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm/ *Test results* :

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 03/2021/CV-QHSE ngày 27/10/2021:
The information was changed according to customer's official dispatch No. 03/2021/CV-QHSE dated 27/10/2021:

Nội dung/ *Item*	Ban đầu/ *Initial*	Thay đổi/ *Change as*
Nơi gửi mẫu *Customer*	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02895BTP1/1-2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-02895BTP1/1-2 NGÀY 11/06/2021

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-02895BTP1/1-2 DATED 11/06/2021

1. Tên mẫu *Name of sample* : **ĐƯỜNG PHÈN THIÊN NHIÊN**
2. Mô tả mẫu *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.* Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu. *As received sample is intact package and label.*
3. Số lượng mẫu *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving* : 02/06/2021
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration* : 02/06/2021 – 11/06/2021
6. Nơi gửi mẫu *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
7. Kết quả thử nghiệm *Test results* : Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02895BTP1/1-2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	$3,4 \times 10^1$
7.2. Nấm men, CFU/10 g *Yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than* $4,0 \times 10^0$
7.3. Nấm mốc, CFU/10 g *Moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	
7.4. Thử nghiệm GMO/ GMO Testing Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen trnL (tRNA – Leu gene) *Detection of plant DNA based on trnL gene* (tRNA – Leu gene)	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/*Notes*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony*

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 03/2021/CV-QHSE ngày 27/10/2021:

The information was changed according to customer's official dispatch No. 03/2021/CV-QHSE dated 27/10/2021:

Nội dung/ *Item*	**Ban đầu/ *Initial***	**Thay đổi/ *Change as***
Nơi gửi mẫu *Customer*	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2022-00001024
Analytical Report : AR-22-VD-003151-01-EN / EUVNHC-00156460

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industiral Zone 1
An Binh Ward
Bien Hoa City
Dong Nai Province
VIETNAM

Sample described as:	Đường phèn thiên nhiên
Conditioning:	Finished product
Sample reception date:	05/01/2022
Analysis Time:	06/01/2022 - 11/01/2022
Client due date:	12/01/2022
Your purchase order reference:	J8SF220105016

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin (including lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
16	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Analytical Service Manager

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phượng Vĩ 17/01/2022

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A79; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00001024
Mã số kết quả : AR-22-VD-003151-01-VI / EUVNHC-00156460

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Đường số 1,Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Tên mẫu :	Đường phèn thiên nhiên
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	05/01/2022
Thời gian thử nghiệm :	06/01/2022 - 11/01/2022
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	12/01/2022
Mã số PO của khách hàng :	J8SF220105016

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD2PH VD (a) **Novaluron**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD2R5 VD (a) **Propiconazol (Tổng các đồng phân)**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) **Tebufenozid**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) **Trinexapac-ethyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 17/01/2022

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.